

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
**VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

---

**LÊ HUY ĐOÀN**

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG**  
**NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Kinh tế phát triển**  
**Mã số: 9310105**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI-2018**

**CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

---

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
PGS.TS. NGUYỄN NGỌC SƠN**

**Phản biện 1: GS. TS. Nguyễn Đình Hương**

**Phản biện 2: TS. Trương Thị Chí Bình**

**Phản biện 3: PGS. TS. Trần Kim Chung**

**Luận án được bảo vệ trước hội đồng đánh giá  
luận án tiến sĩ cấp Viện,  
họp tại Viện Chiến lược phát triển  
Vào hồi:**

**Có thể tìm thấy luận án tại:**

**-Thư viện Quốc gia**

**-Thư viện Viện Chiến lược phát triển**

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của Đề tài

Khác với nông nghiệp, ngành công nghiệp có lợi thế hơn hẳn về tốc độ tăng trưởng, trình độ mở rộng quy mô. Sự phát triển của công nghiệp là động lực thúc đẩy cả nền kinh tế phát triển, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Công nghiệp tăng trưởng cao, ổn định và có chất lượng sẽ tạo ra tiền đề vật chất đảm bảo nâng cao nhịp độ phát triển đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa.

Trong giai đoạn hơn 30 năm kể từ khi Việt Nam tiến hành công cuộc “đổi mới” cơ chế quản lý đối với nền kinh tế, khối ngành công nghiệp luôn đạt được tốc độ tăng trưởng vượt bậc so với các khối ngành khác của nền kinh tế; tốc độ tăng trưởng được duy trì ổn định ở mức cao, liên tục trong nhiều năm, nhưng có dấu hiệu giảm sút trong thời gian gần đây do chi phí trung gian tăng, năng suất lao động chững lại, hiệu suất vốn giảm sút, lan toả tới các ngành kinh tế kém và tác động tiêu cực tới môi trường.

Mặc dù nhiều Nghị quyết và cơ chế chính sách liên tục được ban hành, hoàn thiện trong các kỳ đại hội Đảng từ kỳ Đại hội khoá VI-XI, chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp vẫn chưa được cải thiện, ảnh hưởng đến khả năng đạt được mục tiêu tăng trưởng của nền kinh tế.

Vấn đề đặt ra đối với ngành công nghiệp Việt Nam hiện nay là nếu không được định hướng phù hợp, nếu những nguyên nhân dẫn tới sự sa sút trong nhịp tăng trưởng không được khắc phục, nếu chất lượng và hiệu quả của quá trình tăng trưởng của ngành không được cải thiện, việc duy trì một nhịp tăng trưởng cao của ngành, của toàn nền kinh tế sẽ khó có thể đạt được.

## 2. Mục tiêu nghiên cứu

### 2.1. Mục tiêu chung

Về mặt lý luận, Luận án được nghiên cứu với mục tiêu hệ thống

hóa những vấn đề cơ sở lý luận về chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp. Về mặt thực tiễn, vận dụng những vấn đề lý luận, hệ thống chỉ tiêu đề xuất, trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp và những tác nhân ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp, tìm ra một số giải pháp chủ yếu mong muốn nâng cao chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp Việt Nam trong những năm tới với mục tiêu cuối cùng là duy trì tốc độ tăng trưởng cao, ổn định trong thời gian dài của nền kinh tế Việt Nam.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

(1) Tổng quan các vấn đề lý luận liên quan đến chất lượng tăng trưởng; (2) Phân tích, đánh giá thông qua một số chỉ tiêu phù hợp nhằm nêu bật được chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp Việt Nam trong thời gian qua; (3) Gợi ý, giúp các nhà hoạch định chính sách có thêm cơ sở đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng của công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến 2025 và tầm nhìn 2030.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1 Đối tượng nghiên cứu**

Với mục tiêu nghiên cứu như trên, luận án lấy ngành công nghiệp của Việt Nam là đối tượng nghiên cứu là các vấn đề thuộc chất lượng tăng trưởng của hệ thống công nghiệp như các tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp.

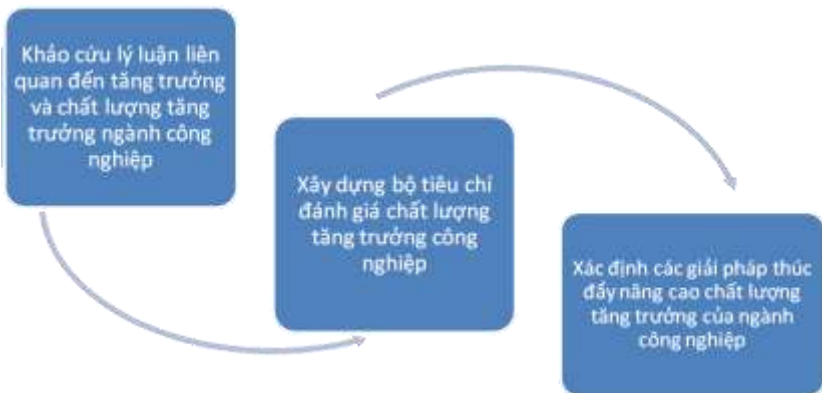
### **3.2 Phạm vi nghiên cứu**

+ *Về không gian*: Ngành công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam;  
+ *Về thời gian*: giai đoạn 2001-2015 là chủ yếu. Ngoài ra để thấy xu thế phát triển của hiện tượng có thể sử dụng các số liệu của những năm trước từ 1990 trở lại, đặc biệt là từ 1995. Trên cơ sở những phân tích của luận án, đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam trong giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

## 4. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

### 4.1. Phương pháp tiếp cận

Tác giả tiếp cận đối tượng nghiên cứu một cách hệ thống từ các vấn đề lý luận đến nhận dạng đối tượng nghiên cứu trên cơ sở các khung lý thuyết về chất lượng tăng trưởng công nghiệp để tìm ra các gợi ý chính sách thúc đẩy nâng cao chất lượng tăng trưởng của ngành trong thời gian tới.



### 4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng nhiều phương pháp, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu tại bàn và phương pháp mô hình hoá.

## 5. Những đóng góp mới của luận án

+ **Về mặt lý luận:** luận án hệ thống hoá các vấn đề lý luận liên quan đến chất lượng tăng trưởng ngành; đề xuất hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá chất lượng tăng trưởng ngành nói chung và ngành công nghiệp nói riêng trong bối cảnh nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế.

+ **Về mặt thực tiễn:** luận án kết luận chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp Việt Nam là chưa cao thông qua tỷ lệ giá trị gia tăng thấp, phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu bên ngoài, năng suất lao động thấp và khả năng thúc đẩy lan toả các ngành khác trong nền kinh

tế phát triển theo là chưa cao; chỉ ra nguyên nhân của việc chất lượng tăng trưởng của ngành đang tồn tại nhiều điểm hạn chế; đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp Việt Nam trong thời gian tới; đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với Nhà nước nhằm tạo nền tảng tốt cho thúc đẩy nâng cao tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng của ngành trong những năm tới.

## **6. Kết cấu của luận án**

**Chương 1:** Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài.

**Chương 2:** Cơ sở lý luận về chất lượng tăng trưởng công nghiệp.

**Chương 3:** Thực trạng chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp Việt Nam thời kỳ 2001-2015

**Chương 4:** Các giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp Việt Nam

**Phần Kết luận** và các hàm ý chính sách.

## **CHƯƠNG 1**

### **TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI**

#### **1.1. Các công trình trong nước**

Các công trình của Nguyễn Ngọc Sơn (2012, 2015); Hồ Tuấn (2009); Nguyễn Thị Lan Hương (2012), Hồ Hữu Nghĩa (2011), Nguyễn Kim Phúc (2011); Nguyễn Văn Nam và Trần Thọ Đạt (2006), Ngô Doãn Vịnh (2006), Nguyễn Văn Thường (2005), Nguyễn Thành Độ (2005), Đinh Văn Ân (2008), Nguyễn Thị Kim Dung (2006), Phạm Đình Thuý (2014) về tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế và của các ngành cấp III. Công trình nghiên cứu của Bùi Trinh (2012) về ứng dụng mô hình I-O trong phân tích kinh tế.

#### **1.2. Các công trình nghiên cứu ngoài nước có liên quan**

*Tổng quan nhiều nghiên cứu và mô hình tăng trưởng từ cổ điển đến hiện đại về chất lượng tăng trưởng và vai trò của các yếu tố nguồn lực với tăng trưởng như Harrod Domar, Robert Solow, hay của Barro (1991), Temple (1999), Lindauer (2002), Krugman, P. và*

Obstfeld, M (1991), Begg (2008); Gillis và các cộng sự (2001), Killick (1993), Snowdown, Vane (2005); Abel, Bernanke, và Croushore (2011), Mishkin (2012),....

Về xu hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp, các nghiên cứu của Lindauer, D. (2002), Lucas (1993), Solimano, A. (1993), và Stiglitz (2000).

### ***1.3. Những vấn đề nghiên cứu và cách tiếp cận nghiên cứu của luận án***

#### ***1.3.1. Những vấn đề nghiên cứu trong luận án:***

Làm rõ vấn đề lý luận về chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp;

Đánh giá chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp của Việt Nam;

Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp Việt Nam dựa trên bối cảnh, quan điểm và định hướng phát triển ngành công nghiệp trong thời gian tới, nhằm duy trì và cải thiện khả năng đóng góp của công nghiệp cho nền kinh tế.

#### ***1.3.2. Cách tiếp cận của luận án.***

Trên cơ sở phân tích lý luận về tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng, đưa ra hệ thống chỉ tiêu đánh giá chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp trên cơ sở có thể tính toán được và có thể so sánh được.

Tiếp cận nghiên cứu chất lượng tăng trưởng khối ngành công nghiệp dựa trên cấu trúc của tăng trưởng, hiệu quả đạt được của tăng trưởng và tác động lan toả của tăng trưởng ngành công nghiệp tới nền kinh tế.

Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến việc đạt được chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp, từ đó trên cơ sở hiện trạng chất lượng tăng trưởng của ngành không nghiệp, đưa ra hệ thống giải pháp nhằm cải thiện chất lượng tăng trưởng khối ngành công nghiệp.

## TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Tác giả đã nghiên cứu 104 tài liệu trong và ngoài nước để làm rõ những vấn đề lý thuyết và thực tiễn đối với vấn đề tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp để vận dụng vào việc nghiên cứu chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp của Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả nhận thấy, lựa chọn bộ tiêu chí, chỉ tiêu đánh giá chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, lựa chọn phương pháp nghiên cứu lan toả thông qua hệ số ngành kéo, ngành đẩy trên cơ sở ứng dụng bảng cân đối liên ngành Leon tief là khả dĩ về mặt lý luận và thực tiễn để đánh giá chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp Việt Nam, đây cũng là một điểm mới đáng lưu tâm của luận án.

## CHƯƠNG 2

### CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG CÔNG NGHIỆP

#### **2.1. Cơ sở lý luận về chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp**

##### **2.1.1. Khái niệm chất lượng tăng trưởng**

###### **2.1.1.1 Tăng trưởng kinh tế về mặt lượng**

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm). Sự gia tăng được thể hiện ở quy mô và tốc độ. Quy mô tăng trưởng phản ánh sự gia tăng nhiều hay ít, còn tốc độ tăng trưởng được sử dụng với ý nghĩa so sánh tương đối và phản ánh sự gia tăng nhanh hay chậm giữa các thời kỳ. Thu nhập của nền kinh tế có thể biểu hiện dưới dạng hiện vật hoặc giá trị. Thu nhập bằng giá trị phản ánh qua các chỉ tiêu và được tính cho toàn thể nền kinh tế hoặc tính bình quân trên đầu người.

###### **2.1.1.2. Quan niệm về chất lượng tăng trưởng**

Chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp là khái niệm “phản ánh nội dung bên trong của quá trình tăng trưởng, biểu hiện ở phương tiện, phương thức, mục tiêu và hiệu ứng đối với môi trường chứa đựng tăng trưởng ấy”. Nó thể hiện ở khả năng sử dụng các yếu tố



đầu vào để đạt được sự tăng trưởng của ngành công nghiệp, đóng góp của các bộ phận cấu thành của ngành cho tăng trưởng chung của ngành và những tác động của việc đạt được chỉ tiêu tăng trưởng của ngành tới các lĩnh vực khác của nền kinh tế.

Chất lượng tăng trưởng cao của ngành công nghiệp được hiểu là sự tăng trưởng với nhịp độ cao, hiệu quả và bền vững của ngành thể hiện qua cơ cấu nội bộ ngành phù hợp với trình độ công nghệ, tiềm năng, thể mạnh của ngành; năng suất nhân tố tổng hợp, năng suất lao động, đóng góp lớn cho xuất khẩu, tỷ lệ giá trị gia tăng trong giá trị sản phẩm có xu hướng tăng lên; công nghiệp tăng trưởng có sức lan toả tới các khối ngành khác của nền kinh tế; tăng trưởng có khả năng tiết kiệm năng lượng, và có khả năng bảo vệ môi trường.

### **2.1.2.2. Các tiêu chí đánh giá chất lượng tăng trưởng công nghiệp**

#### ***a) Quan điểm đề xuất***

(1) Khung phân tích và hệ thống tiêu chí phải được dựa trên các luận cứ vững chắc về cả mặt lý thuyết và mặt thực tiễn; có tính kế thừa và tính thời đại nhằm có thể áp dụng trong một thời gian dài.

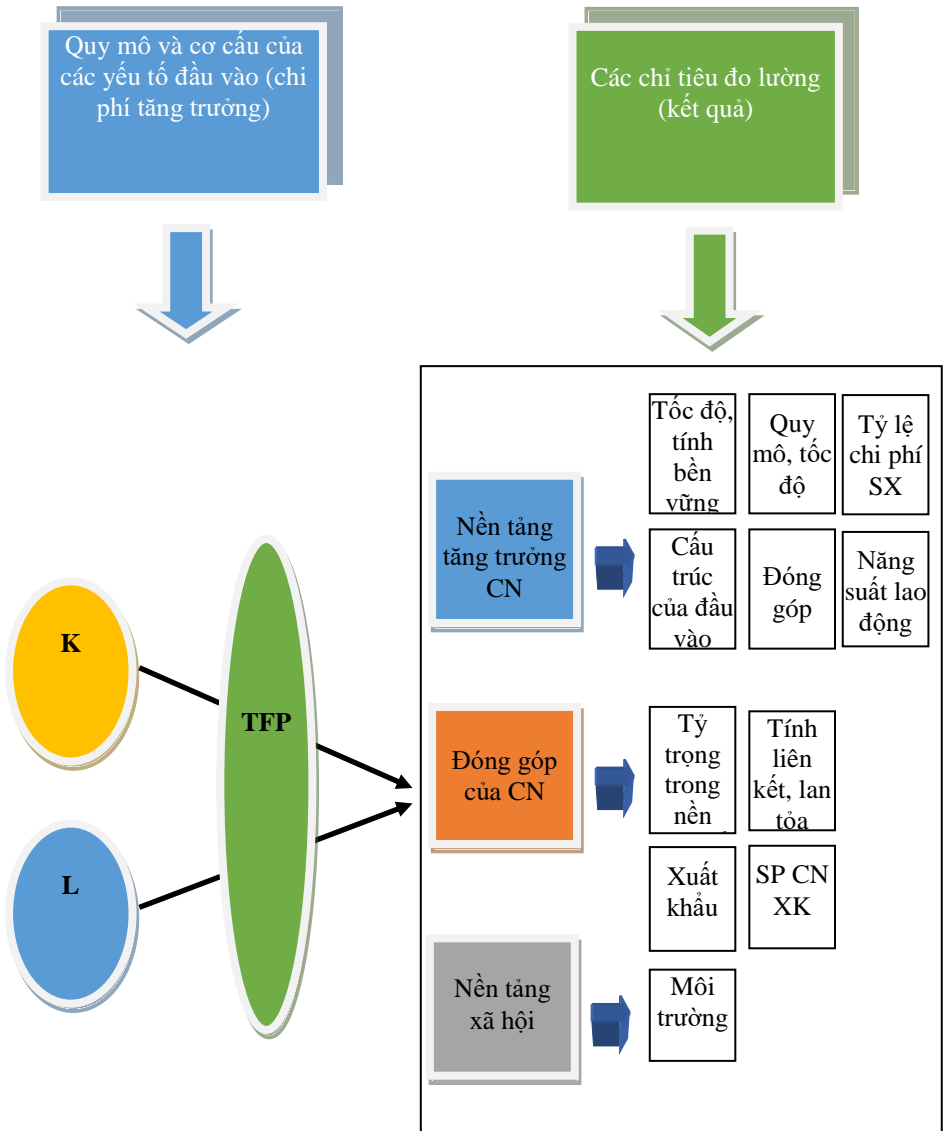
(2) Hệ thống tiêu chí và chỉ tiêu được đề xuất phải đo lường và đối sánh được (cả trong nước và quốc tế).

(3) Khung phân tích và hệ thống tiêu chí phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam nói chung, phải gắn với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

#### ***b) Khung phân tích***

Để đo lường chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp, tác giả đưa ra ba nhóm tiêu chí: (i) cấu trúc tăng trưởng của công nghiệp, thể hiện ở việc huy động nguồn lực của nền kinh tế phục vụ cho tăng trưởng, và vai trò của các yếu tố nguồn lực trong tăng trưởng ngành công nghiệp của Việt Nam trong bối cảnh nguồn lực khan hiếm; đóng góp của các ngành công nghiệp tới tăng trưởng chung của ngành, nhằm đánh giá trình độ của sản xuất công nghiệp; (ii) Hiệu quả của tăng trưởng công nghiệp; nhóm tiêu chí này thể hiện ở hiệu quả đầu ra của tăng trưởng, thể hiện ở hiệu quả sử dụng vốn, năng suất lao

động, xuất khẩu, hiệu quả sử dụng năng lượng; và (iii) tác động lan toả mà tăng trưởng công nghiệp đem lại. Điều này thể hiện vai trò và tính chất lan toả của ngành công nghiệp, tăng trưởng của ngành công nghiệp thúc đẩy các lĩnh vực, các ngành khác cùng phát triển thông qua lực kéo, lực đẩy của ngành đối với các ngành, lĩnh vực khác.



## **Hình 2.1. Khung phân tích chất lượng tăng trưởng công nghiệp của Việt Nam**

Nguồn: Tác giả.

### **c) Bộ chỉ tiêu đánh giá chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam của luận án**

Bộ chỉ tiêu đánh giá, đo lường chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam được dựa trên ba nhóm tiêu chí được nêu ở trên.

#### **(1) Nhóm tiêu chí thể hiện cấu trúc của tăng trưởng**

**Chỉ tiêu 1:** Đóng góp của các phân ngành tới tăng trưởng của toàn khối ngành công nghiệp, đặc biệt là cơ cấu và đóng góp của công nghiệp chế biến cho trong tăng trưởng toàn ngành;

**Chỉ tiêu 2:** Đóng góp của các yếu tố nguồn lực cho tăng trưởng của ngành công nghiệp, đặc biệt là đóng góp của yếu tố nguồn nhân lực và TFP trong tăng trưởng của toàn ngành.

#### **(2) Nhóm tiêu chí thể hiện hiệu quả của việc đạt được chỉ tiêu tăng trưởng:**

**Chỉ tiêu 3:** Tốc độ tăng trưởng của các phân ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến đạt nhanh, ổn định và lâu dài. Ngoài ra, tốc độ tăng công nghiệp chế biến tăng nhanh hơn toàn ngành công nghiệp.

**Chỉ tiêu 4:** Năng suất lao động công nghiệp.

Năng suất là tỷ số giữa đầu ra và những đầu vào được sử dụng để tạo ra đầu ra đó về mặt toán học năng suất được phản ánh bằng:

$$P = \text{tổng đầu ra} / \text{tổng đầu vào}$$

Năng suất lao động công nghiệp nên duy trì được nhịp tăng ổn định, cao hơn so với năng suất bình quân của nền kinh tế.

**Chỉ tiêu 5:** Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của ngành công nghiệp.

Theo công thức:

$$g = s/k \Rightarrow k = s/g$$

Trong đó:

k – hệ số ICOR

g – tốc độ tăng trưởng quy mô ngành/nền kinh tế

s – tỷ lệ tích lũy/đầu tư của ngành/nền kinh tế.

**Chỉ tiêu 6:** Tỷ lệ chi phí trung gian trong giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, đặc biệt là của ngành công nghiệp chế biến.

**Chỉ tiêu 7:** Tiêu hao năng lượng trong sản xuất công nghiệp.

**(3) Nhóm tiêu chí thể hiện sự tác động lan tỏa của tăng trưởng công nghiệp tới các ngành và lĩnh vực khác của nền kinh tế**

**Chỉ tiêu 8:** Đóng góp của tăng trưởng công nghiệp cho tăng trưởng chung của nền kinh tế.

**Chỉ tiêu 9:** Tăng trưởng công nghiệp và xuất khẩu.

**Chỉ tiêu 10:** Tác động của ngành công nghiệp tới các ngành kinh tế khác thông qua mức độ liên kết mạnh (xuôi, ngược) giữa công nghiệp với các ngành khác trong nền kinh tế.

**Chỉ tiêu 11:** Sản xuất công nghiệp và môi trường.

## **2.2. Kinh nghiệm các nước trong phát triển công nghiệp và nâng cao chất lượng công nghiệp**

### **2.2.1. Thái Lan**

### **2.2.2. Trung Quốc**

### **2.2.3 Kinh nghiệm quốc tế trong định hướng phát triển công nghiệp**

Kinh nghiệm quốc tế trong việc định hướng chính sách công nghiệp gợi ý chính sách công nghiệp tốt bao gồm năm đặc tính:

(i) chính sách công nghiệp được thiết kế dành cho một số ngành công nghiệp được lựa chọn

(ii) chính sách công nghiệp không phải là một chính sách đơn lẻ mà bao gồm nhiều loại chính sách khác nhau;

(iii) chính sách công nghiệp liên quan đến sự can thiệp của chính phủ;

(iv) chính sách công nghiệp hướng đến phân bổ nguồn lực (do sự thất bại của thị trường); và

(v) chính sách công nghiệp nhằm tạo ra những lợi thế so sánh động cho các ngành công nghiệp được hưởng đến (những ngành công nghiệp ưu tiên).

Có rất nhiều nội dung hữu ích từ các bài học mang tính kinh nghiệm của các nước có thể áp dụng cho Việt Nam, nhưng hai điểm như sau là có ý nghĩa đáng lưu tâm:

(1) Lựa chọn ngành công nghiệp ưu tiên: các quốc gia đang lựa chọn ưu tiên những ngành công nghiệp mà có khả năng tạo ra sự đa dạng trong phát triển nhiều hơn.

(2) Thiết lập các mục tiêu của chính sách công nghiệp

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 2**

Có thể rút ra một số kết luận chủ yếu sau:

Các nghiên cứu trong ngoài nước liên quan đến chất lượng tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng ngành trên đây đã cho phép hình thành cơ sở lý luận, tiêu chí đánh giá, định hướng và chính sách nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng các ngành kinh tế ở phạm vi cả nước nói chung.

Cho đến nay, hầu hết các công trình nghiên cứu chỉ đề cập tới việc đánh giá chất lượng tăng trưởng của các ngành công nghiệp nhỏ lẻ, cấp 3 theo hệ thống phân ngành kinh tế, chưa có nghiên cứu đánh giá toàn bộ chất lượng toàn khối ngành công nghiệp của Việt Nam, đặc biệt là nghiên cứu có tính cập nhật cao về những thay đổi chính sách phát triển công nghiệp của Việt Nam, tác động tới chất lượng tăng trưởng toàn ngành.

Hệ thống tiêu chí được đề xuất để đánh giá chất lượng tăng trưởng công nghiệp là khá phù hợp với cách tiếp cận của các học giả trong và ngoài nước về đề tài và khá cụ thể, hệ thống, toàn diện, phù hợp với điều kiện công nghiệp Việt Nam.

## **CHƯƠNG 3**

# **THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM THỜI KỲ 2001-2015 VÀ VIỆC NGHIÊN CỨU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG CỦA CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

### **3.1. Vị trí của ngành công nghiệp trong nền kinh tế Việt Nam**

Ngành công nghiệp ngày càng có vai trò quan trọng trong nền kinh tế của cả nước. Tỷ trọng của khối ngành công nghiệp đã tăng lên nhanh chóng trong GDP của cả nước, đóng góp 33,3% GDP của cả nước năm 2015.

Tuy nhiên, tốc độ đổi mới công nghệ còn chậm, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển.

### **3.2. Thực trạng chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam**

#### **3.2.1. Đánh giá cấu trúc của tăng trưởng**

##### ***3.2.1.1. Cấu trúc tăng trưởng theo ngành công nghiệp***

Giá trị sản xuất (GTSX) công nghiệp đạt nhịp tăng trưởng bình quân cao, riêng 5 năm gần đây 2011-2015, GTSX công nghiệp đạt nhịp tăng khá cao 18,7%/năm. Trong đó, công nghiệp khai thác đóng góp cho nhịp tăng trưởng cao trên 1,94 điểm phần trăm trong giai đoạn 2011-2015, chiếm tỷ trọng 10,4% trong tổng nhịp tăng trưởng của GTSX khối ngành công nghiệp; các phân ngành công nghiệp chế tác là 13,02% tương đương 69,7% mức tăng trưởng và công nghiệp điện, nước, khí đốt đóng 3,71% hay 19,9% mức tăng trưởng.

VA công nghiệp, công nghiệp chế biến vẫn có vai trò chủ đạo đóng góp cho tăng trưởng GDP công nghiệp, 7,9 điểm phần trăm trong giai đoạn 1996-2000, 7,1 điểm phần trăm trong giai đoạn 2001-2005, 4,8 điểm phần trăm cho giai đoạn 2006-2010 và 4,6 điểm phần trăm cho 5 năm gần đây 2011-2015. Tuy vậy, tỷ lệ đóng góp trong các thời kỳ tương ứng cho tổng nhịp độ tăng trưởng của GDP toàn ngành có xu hướng giảm trong 15 năm gần đây: 67,8%, 70,7%, 80,1% và 69,7% tương ứng.

Chi phí trung gian cao, giá trị gia tăng thấp, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển. Về mặt dài hạn, nhiều nhà kinh tế cho rằng, việc duy trì một cơ cấu sản xuất công nghiệp với mức giá trị gia tăng thấp sẽ khó đạt được một mức tăng trưởng cao và lâu dài cho khối ngành này.

### ***3.2.1.2. Cấu trúc tăng trưởng theo mức đóng góp của các yếu tố nguồn lực***

- Đóng góp cho tăng trưởng của các ngành công nghiệp chủ yếu của Việt Nam như chế biến thực phẩm, sản xuất thuốc lá, ngành dệt, ngành may, ngành giày da, v.v. đều chủ yếu do tăng trưởng các yếu tố đầu vào, đóng góp của tiến bộ công nghệ vào tăng trưởng của các ngành công nghiệp này là không đáng kể. Có 46 ngành có tăng trưởng năng suất lao động trong giai đoạn 2011-2015 và hầu hết các ngành này có được sự tăng trưởng năng suất là nhờ vào sự cải thiện trong tiến bộ công nghệ, cải tiến kỹ thuật, điều này nói lên tầm quan trọng của tiến bộ công nghệ đối với việc tăng năng suất của ngành công nghiệp Việt Nam.

- Sự gia tăng của lao động có tác động không đáng kể tới tăng trưởng của các ngành công nghiệp nghiên cứu.

## **3.2.2. Hiệu quả của việc đạt được chỉ tiêu tăng trưởng**

### ***3.2.2.1. Năng suất lao động***

So với NSLĐ ngành công nghiệp bình quân của nhóm nước hoặc các nước, năng suất lao động của công nghiệp Việt Nam năm 2015 chỉ bằng 81% của nhóm các nước Đông Á và Thái Bình Dương, bằng 41% của Thái Lan, bằng 6,4% của Hàn Quốc, bằng 58% của Trung Quốc.

### ***3.2.2.2. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư***

Số liệu thống kê giai đoạn 2000 đến năm 2015 cho thấy hệ số ICOR của ngành công nghiệp Việt Nam là khá cao, tức hiệu quả đầu tư thấp, đạt mức 4,6 chủ yếu do đầu tư vào công nghệ và các ngành công nghiệp mới.

Tăng trưởng của ngành công nghiệp vẫn còn thiên về tăng trưởng theo chiều rộng với hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp, điều đó cũng cho thấy chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp là cần được cải thiện.

### ***3.2.2.3. Tỷ lệ chi phí trung gian trong giá trị sản xuất***

Tỷ lệ chi phí trung gian trong tổng giá trị sản xuất của ngành công nghiệp không ngừng gia tăng trong thời gian qua, từ mức 57,5% năm 1995 lên đến 70,4% năm 2005 và 81,8% năm 2015. Chủ yếu do các ngành công nghiệp chế biến có nguyên liệu nhập khẩu lớn.

### ***3.2.2.4. Tiêu hao năng lượng của sản xuất công nghiệp***

Việt Nam đã tiêu thụ mức điện năng lớn hơn nhiều so với các nước trong khu vực để tạo ra 1 đơn vị USD của GDP. Năm 2015, suất điện năng của Việt Nam là 0,68 KWh/1USD trong khi của Singapore là 0,16; Hồng Kông là 0,15; Hàn Quốc là 0,40; Malaysia là 0,41; Philippin là 0,25; Thái Lan là 0,40; Trung Quốc là 0,54 (Biểu 3.9). Trung Quốc đã cơ bước cải thiện đáng kể, nếu như năm 1990 chỉ tiêu này là 1,61, thì năm 2000 họ xuống 1,04 và năm 2010 họ xuống 0,65 và năm 2013 là 0,54. Như vậy, để tạo ra một 1 USD của GDP, Việt Nam đã phải tốn lượng điện năng bằng 4,3 lần Hồng Kông và Singgapo, gần 1,7 lần Hàn Quốc, Thái Lan và Malaysia, 2,7 lần Philippin, 1,27 lần Trung Quốc.

## **3.2.3. Đánh giá tác động lan tỏa của tăng trưởng công nghiệp tới nền kinh tế**

### ***3.2.3.1 Đóng góp của tăng trưởng công nghiệp trong tăng trưởng chung của nền kinh tế***

Tỷ trọng đóng góp của khối ngành này cho tăng trưởng kinh tế cả nước tăng nhanh trong giai đoạn 1991-2001, từ 39,3% cho tăng trưởng của kinh tế cả nước, đến mức cao nhất là 51,5% trong tổng 100% tăng trưởng của nền kinh tế vào năm 2001. Tuy vậy, vai trò của khối ngành công nghiệp đối với tăng trưởng của nền kinh tế đã bắt đầu



có xu hướng giảm kể từ năm 1999 khi tỷ trọng đóng góp của nó giảm từ 51,5% xuống mức 38,9% năm 2015.

### ***3.2.3.3 Tác động lan tỏa của tăng trưởng công nghiệp tới các ngành kinh tế***

Kết quả phân tích bảng I/O năm 2012 và các bảng I/O trước đó cho thấy thời kỳ 2000 – 2012, nền kinh tế Việt Nam đã phát triển theo hướng mở, tăng chu chuyển ngoại thương. (i) Trong tổng cung, tỷ trọng hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu đã tăng từ 19,6% năm 2000 lên 20,1% năm 2012; trong tổng cầu tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ đã tăng từ 18,8% năm 2000 lên 22,4% năm 2012.

Trong giai đoạn này, một số ngành phụ thuộc nhiều, các ngành khác phụ thuộc ít vào các ngành còn lại trong tổng số 32 ngành gộp, công nghiệp chiếm là 26/30 ngành gộp. Ở giai đoạn khác những quan hệ phụ thuộc qua lại này có thể thay đổi. Sự thay đổi này phần nào phản ánh xu thế phát triển các ngành công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và phân công lao động trong nước và quốc tế.

Nếu năm 2007 hệ số lan tỏa của một số ngành công nghiệp có mức trên 1, kể từ cao xuống thấp gồm có: gang, thép, luyện kim và kim loại khác; xăng dầu và sản phẩm hóa dầu; công nghiệp chế biến thực phẩm và thức ăn gia súc; may mặc và giày dép; phân bón, thuốc trừ sâu và plastic; máy móc, ô tô, tàu thuyền, phương tiện vận tải; bia, rượu và thuốc lá; khai thác than; các sản phẩm gỗ, giấy, in ấn; thuốc và hóa chất khác; điện và điện tử.

Xem xét chỉ tiêu lan tỏa đến giá trị gia tăng của ngành công nghiệp, có thể thấy những ngành có khả năng kích thích làm tăng mạnh giá trị gia tăng trong nền kinh tế là những ngành dầu thô, khí đốt tự nhiên và khoáng sản khai khoáng, sản xuất các sản phẩm da và các sản phẩm da thuộc là những ngành công nghiệp có khả năng thúc đẩy lớn nhất tới giá tăng VA của những ngành khác trong nền kinh tế (mức độ tác động cụ thể của các ngành công nghiệp này tới các ngành khác và tới nền kinh tế)

### **3.2.3.4 Tác động của sản xuất công nghiệp đến môi trường**

Kết quả đánh giá trên cho thấy mặc dù mức độ ô nhiễm môi trường thay đổi theo từng ngành công nghiệp, tuy nhiên cấp độ là đáng lo ngại. Theo kết quả trên thì gây ô nhiễm môi trường lớn nhất là ngành luyện kim, thuộc da, dệt nhuộm, khai khoáng và nhiệt điện.

## **3.3. Các nhân tố tác động tới chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam**

### **3.3.1. Quan điểm phát triển các ngành công nghiệp**

### **3.3.2. Xu hướng công nghiệp thế giới**

### **3.3.3. Công nghiệp phụ trợ**

### **3.3.4. Hiệu quả sử dụng nguồn lực**

### **3.3.5. Chất lượng nguồn nhân lực**

### **3.3.6. Trình độ công nghệ của doanh nghiệp**

## **3.4. Đánh giá chung về chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam**

### **3.4.1. Những kết quả đạt được**

*Thứ năm*, tăng trưởng công nghiệp thời gian qua đã đóng góp lớn cho việc gia tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

*Thứ sáu*, tăng trưởng công nghiệp có thúc đẩy tốt tới các khối ngành, lĩnh vực khác của nền kinh tế cùng phát triển.

### **3.4.2. Những hạn chế trong tăng trưởng ngành công nghiệp Việt Nam**

*Thứ nhất*, Tăng trưởng cao nhưng hiệu quả đạt được chỉ tiêu tăng trưởng thấp.

*Thứ hai*, hiệu quả đạt được chỉ tiêu tăng trưởng thấp còn thể hiện ở mức chi phí trung gian trong sản xuất công nghiệp ngày càng lớn.

*Thứ ba*, cấu trúc tăng trưởng công nghiệp là chưa hợp lý..

*Thứ tư*, tăng trưởng của công nghiệp vẫn chủ yếu dựa trên việc tăng trưởng theo chiều rộng.

*Thứ năm* tăng trưởng công nghiệp đạt được dựa trên việc tiêu thụ năng lượng quá mức và gây ô nhiễm môi trường sinh thái đang là một vấn đề bức xúc hiện nay.

*Thứ sáu*, suất lao động thấp

*Thứ bảy*, Giá trị gia tăng của các ngành công nghiệp đạt tỷ lệ thấp so với giá trị sản lượng.

*Thứ tám*, nguồn nguyên liệu bị phụ thuộc vào thị trường nước ngoài, các nguồn lực trong nước không được khai thác hiệu quả.

### **TIÊU KẾT CHƯƠNG 3**

Tác giả đã sử dụng bộ tiêu chí gồm 3 nhóm tiêu chí, 11 chỉ tiêu nêu ở chương 2 để đánh giá chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp Việt Nam.

Luận án khẳng định chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp của Việt Nam là chưa cao và tiềm ẩn những trở ngại để duy trì nhịp độ tăng trưởng trong dài hạn.

Nguyên nhân của thực trạng chất lượng tăng trưởng công nghiệp chưa cao ở Việt Nam cũng được chỉ ra.

## **CHƯƠNG 4**

### **CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP CỦA VIỆT NAM**

#### **4.1. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam**

Phát triển công nghiệp luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta từ trước đến nay trong thời đại công nghệ 4.0 ngày nay. Trên cơ sở những phân tích ở chương 3 của luận án, tác giả cho rằng, định hướng phát triển công nghiệp được đề cập ở Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng và trong Chiến lược phát triển công nghiệp đến 2025 và tầm nhìn 2030 của Chính phủ là phù hợp trong thời gian qua. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu ở chương 3, tác giả cho rằng Chính phủ cần phải xây dựng Chiến lược công nghiệp 4.0 trên cơ sở lồng ghép, lựa chọn những định hướng sẵn có, kết hợp

với một số định hướng lớn, mới, lựa chọn ngành chủ lực, giải pháp mới phù hợp với bối cảnh công nghiệp 4.0.

- Từng bước điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp chủ yếu dựa trên số lượng sang trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, đẩy mạnh thúc đẩy phát triển công nghiệp giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, gắn kết sản xuất với phát triển dịch vụ công nghiệp.

- Tập trung hỗ trợ công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là nhóm sản phẩm cơ khí, hoá chất, điện tử, viễn thông phục vụ sản xuất công nghiệp, đồng thời tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu.

- Tăng cường phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; phát triển công nghiệp vật liệu mới thân thiện hơn với môi trường, công nghiệp xanh, có công nghệ tiên tiến, và tham gia dần theo xu hướng sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

#### **4.2. Phương hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam đến 2025, tầm nhìn 2030**

Phương hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp cần tập trung theo một số hướng chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất*, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của tăng trưởng.

*Thứ hai*, giảm chi phí trung gian trong quá trình sản xuất.

*Thứ ba*, thúc đẩy tăng trưởng của công nghiệp theo hướng tăng trưởng theo chiều sâu.

*Thứ tư*, cải thiện khả năng thu hút lao động.

*Thứ năm*, tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường.

### **4.3. Các giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam**

#### **4.3.1. Xây dựng chiến lược phát triển công nghiệp 4.0**

#### **4.3.2. Nâng cao hiệu quả đầu tư**

##### **4.3.2.1. Đối với nguồn vốn đầu tư nhà nước**

##### **4.3.2.2. Đối với nguồn vốn của các doanh nghiệp nhà nước**

##### **4.3.2.3. Đối với nguồn vốn ngoài khu vực nhà nước**

Khuyến khích phát triển khu vực kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài. Thúc đẩy việc đổi mới công nghệ để tăng hiệu quả đầu tư.

#### **4.3.3. Khuyến khích ứng dụng khoa học-công nghệ**

##### **4.3.3.1. Thúc đẩy nhu cầu đổi mới công nghệ và đầu tư đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp**

- Nâng cao đóng góp của đầu tư nước ngoài trong thúc đẩy đầu tư đổi mới công nghệ và chuyển giao công nghệ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia đầu tư đổi công nghệ trong sản xuất.

##### **4.3.3.2. Hình thành thị trường các sản phẩm khoa học công nghệ và hỗ trợ thị trường này phát triển**

Những cơ chế, chính sách và biện pháp nên tập trung theo hướng: xây dựng đầy đủ các thể chế để thị trường vận hành thông suốt, cởi bỏ những yếu tố hạn chế các chủ thể tiềm năng tham gia thực hiện các giao dịch chính thức trên thị trường và hỗ trợ các chủ thể tham gia về vốn tài chính, vốn con người, về thông tin.

#### **4.3.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

(i) xác định rõ ràng các lĩnh vực ngành nghề hiện đang thiếu nhân công, thiếu người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật để tăng cường đầu tư, hỗ trợ; (ii) tiêu chuẩn hóa các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tay nghề, bồi dưỡng kỹ năng, với những chỉ tiêu chất lượng được quy định rõ ràng, (iii) phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa các bên tham gia thị trường lao động (các doanh nghiệp có nhu cầu lao động, các cơ quan đào tạo, bồi dưỡng tay nghề) trong quá trình hoạch định các chính sách về đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực.

### **4.3.5. Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường**

### **4.3.6. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam**

Các ngành công nghiệp phụ trợ cần được tập trung phát triển trong thời gian tới có tầm quan trọng nhất có thể là: dệt - may, da - giày, điện tử - tin học, sản xuất và lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo.

## **TIỂU KẾT CHƯƠNG 4:**

Chương 4 của luận án đã tổng quan quan điểm định hướng và mục tiêu phát triển công nghiệp của Việt Nam trong thời gian đến 2025 và tầm nhìn 2030.

Các định hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp trong thời gian tới cũng được đề cập.

Một số hệ thống giải pháp được tác giả phân tích nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng trong thời gian tới của ngành công nghiệp Việt Nam.

## **KẾT LUẬN**

Ngành công nghiệp có vai trò ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam xuất phát từ những lợi thế hơn hẳn về tốc độ tăng trưởng, trình độ mở rộng quy mô. Sự phát triển của công nghiệp thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đảm bảo nhu cầu tư liệu sinh hoạt cho nhân dân, tăng kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy quá trình hiện đại hóa đất nước. Trong thời đại toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, công nghiệp càng có vị trí quyết định, tạo ra tiền đề vật chất đảm bảo nâng cao nhịp độ tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bởi vậy, làm thế nào để nâng cao chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các cấp, các ngành, cũng như các nhà nghiên cứu kinh tế.

Chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp là khái niệm phản ánh nội dung bên trong của quá trình tăng trưởng, biểu hiện ở phương tiện, phương thức, mục tiêu và hiệu ứng đối với môi trường

chứa đựng tăng trưởng ấy. Chất lượng tăng trưởng cao của ngành công nghiệp là sự tăng trưởng với nhịp độ cao, hiệu quả và bền vững của ngành được thể hiện qua cơ cấu nội bộ ngành phù hợp với trình độ công nghệ, tiềm năng, thế mạnh của ngành; năng suất nhân tố tổng hợp, năng suất lao động, tỷ lệ giá trị gia tăng trong giá trị sản phẩm cao; có khả năng tiết kiệm năng lượng, sản xuất có tính cạnh tranh cao; không ngừng nâng cao vị trí của các phân ngành công nghiệp trong chuỗi giá trị toàn cầu và có khả năng bảo vệ môi trường. Các tiêu chí để đánh giá chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp có thể là phân thành ba nhóm: (1) Các tiêu chí đánh giá cấu trúc của tăng trưởng; (2) Các tiêu chí đánh giá hiệu quả đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng và (3) Các tiêu chí đánh giá tác động lan toả của tăng trưởng tới nền kinh tế.

Khảo cứu tăng trưởng của ngành công nghiệp Việt Nam thông qua một số tiêu chí nêu trên trong giai đoạn 1996-2005 và 2006-2015 cho thấy một bức tranh khá rõ về chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp Việt Nam. Thứ nhất, tăng trưởng công nghiệp đạt tốc độ cao nhưng hiệu quả tăng trưởng thấp, thể hiện ở năng suất lao động thấp, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư không cao, tỷ lệ giá trị gia tăng trong giá trị tổng sản lượng thấp và ngày càng giảm do cơ cấu sản xuất công nghiệp chưa hợp lý, chưa phát huy được lợi thế so sánh của Việt Nam trong sản xuất công nghiệp. Thứ hai, cấu trúc tăng trưởng công nghiệp là chưa hợp lý cả về chiều rộng lẫn chiều sâu mà biểu hiện là các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động phát triển không đạt hiệu quả như mong đợi, không thu hút được lực lượng lao động dồi dào của nền kinh tế, giá trị gia tăng không cao khi chỉ tham gia vào những công đoạn sản xuất có tỷ lệ giá trị gia tăng thấp nhất; và đóng góp của công nghệ, cải tiến kỹ thuật cho tăng trưởng còn kém. Cuối cùng, mặc dù tăng trưởng công nghiệp đã góp phần quan trọng cho tăng trưởng chung của nền kinh tế, giải quyết việc làm và gia tăng xuất khẩu, nhưng đóng góp của công nghiệp cho tăng trưởng chung của nền kinh tế có xu hướng giảm dần do hiệu quả sản xuất thấp; đồng

thời thành quả tăng trưởng cao của công nghiệp không thân thiện với môi trường đã là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng suy thoái môi trường tự nhiên ở Việt Nam.

Có nhiều nguyên nhân của tình trạng của tình trạng chất lượng tăng trưởng chưa cao của ngành công nghiệp Việt Nam. Đáng kể nhất là chất lượng quy hoạch công nghiệp thấp; các ngành công nghiệp chậm phát triển, nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển công nghiệp trong thời kỳ hội nhập; trình độ công nghệ và nhận thức về vai trò của đổi mới công nghệ đối với nâng cao năng suất lao động, gia tăng năng lực cạnh tranh, tăng hiệu quả của sản xuất công nghiệp là chưa đồng đều và chưa thấu đáo; và tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm.

Để nâng cao chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam, một số gợi ý giải pháp đưa ra có thể là: (1) Nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển ngành công nghiệp; (2) nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong sản xuất công nghiệp ở mọi thành phần kinh tế; (3) Khuyến khích ứng dụng và đổi mới công nghệ ở các doanh nghiệp; (4) Đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng tốt hơn yêu cầu về nhân lực trong phát triển công nghiệp; (5) Tăng cường các biện pháp bảo vệ môi trường; (6) Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ nhằm cải thiện tỷ lệ giá trị gia tăng trong tổng sản lượng công nghiệp do phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu đất đỏ ở thị trường thế giới; và cuối cùng (7) Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận doanh nghiệp này, góp phần tạo một sân chơi bình đẳng, có tác dụng khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp ở mọi thành phần kinh tế cùng phát triển.

Chất lượng tăng trưởng nói chung và chất lượng tăng trưởng của ngành công nghiệp nói riêng là một vấn đề lớn, phức tạp. Ngành công nghiệp là một khối ngành rộng với nhiều phân ngành có những đặc thù riêng. Việc nghiên cứu và nhận dạng chất lượng tăng trưởng của khối ngành này một cách thấu đáo đòi hỏi nhiều thời gian, công



sức và sự khảo cứu tỉ mỉ hơn nữa ở từng phân ngành công nghiệp. Chủ đề nghiên cứu thì phức tạp, chắc chắn rằng, luận án sẽ còn có nhiều điểm khiếm khuyết. Việc nghiên cứu sâu hơn, bao quát hơn về vấn đề này sẽ được tiến hành ở những công trình nghiên cứu tiếp theo.

\* \* \*

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Chất lượng tăng trưởng công nghiệp Hà Nội-Những rào cản và khuyến nghị chính sách, sách tham khảo, NXB Dân trí, 7/2017.
2. Nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số tháng 5/2017.
3. Chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam-Một số đánh giá ban đầu, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Lạm phát và tăng trưởng kinh tế Việt Nam, NXB Văn hoá Thông tin, 2013.
4. Chất lượng tăng trưởng công nghiệp Việt Nam, một số chỉ tiêu đánh giá chủ yếu, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 2/2010.